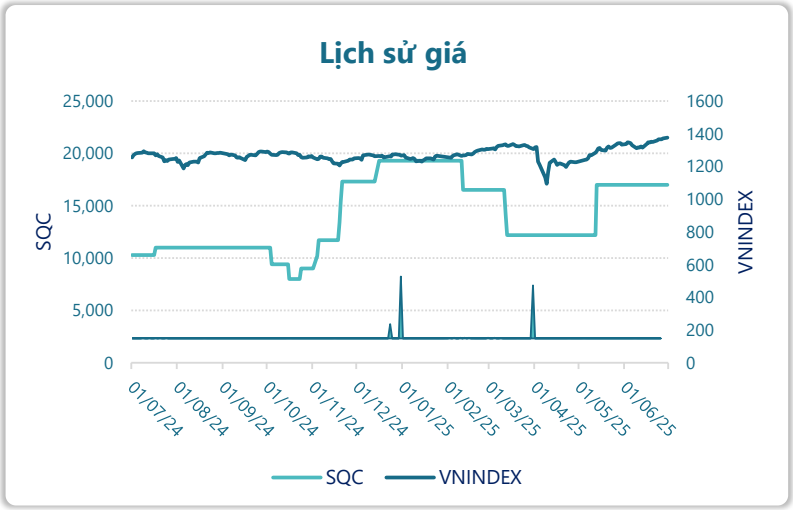
FireAnt

CTCP Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn (UPCOM: SQC)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**17,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,000
SL cổ phiếu LH	107,299,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,920
% sở hữu nước ngoài	6.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,824
P/E	-23.5
EPS	-724

DT thuần

Q2/25

0.48

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.04| 8.7%

LN sau thuế

Q2/25

-39.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼39.1| -195591%

YoY: ▼0.60| -1.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

-8022%

+/- YoY: ▲ 656%

DT thuần

6T 2025

0.96

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.07| 7.8%

LN sau thuế

6T 2025

-39.2

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.70| -1.6%

ROE

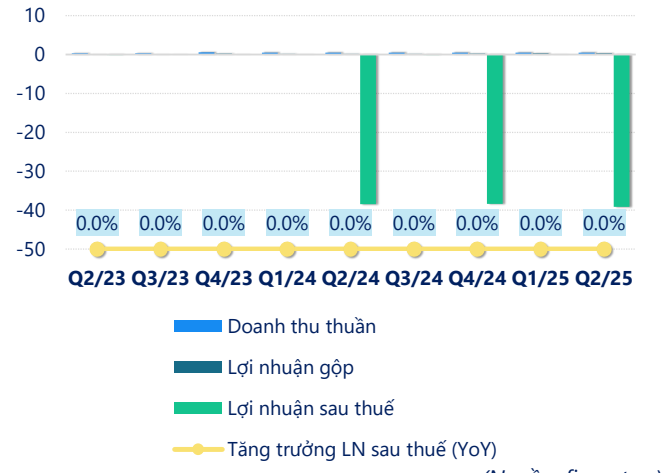
Q2/25

-12.9%

+/- YoY: ▼ 7.2%

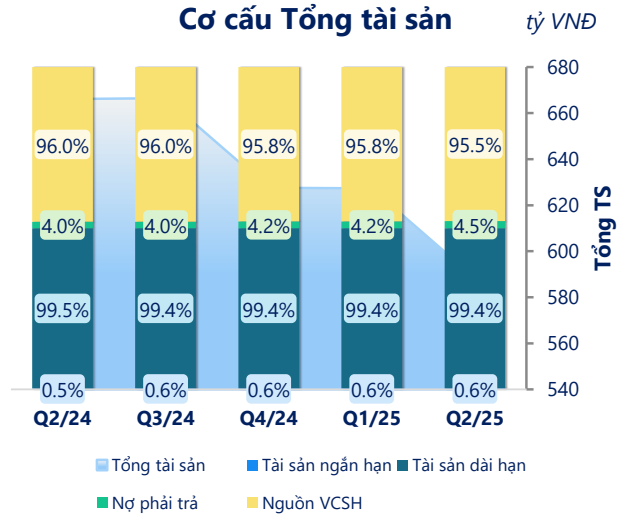
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



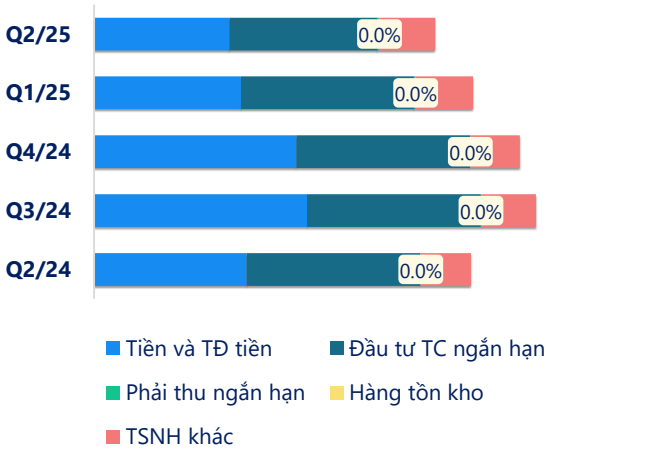
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



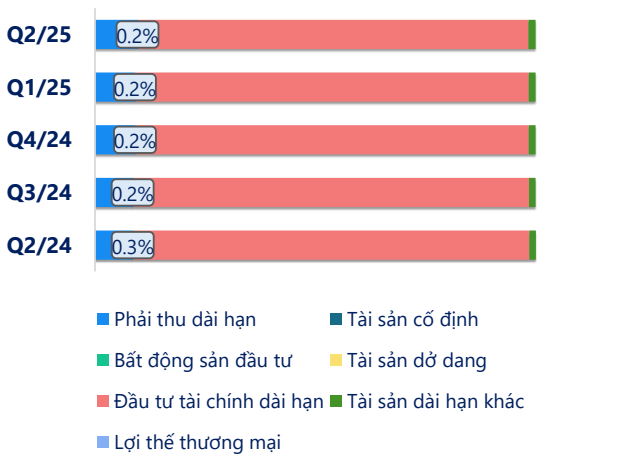
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



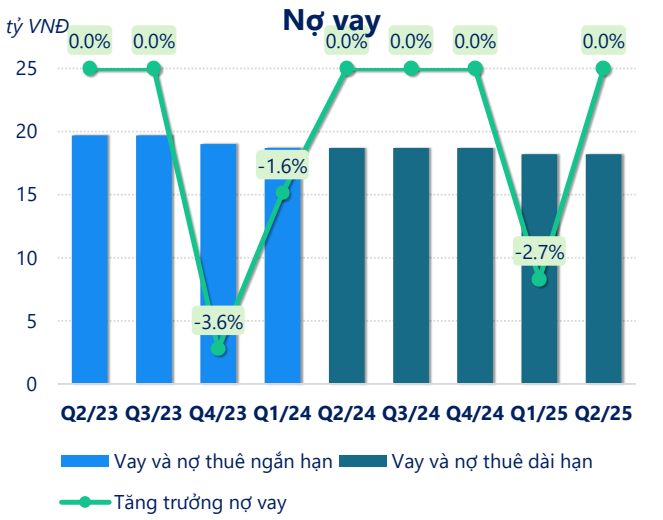
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



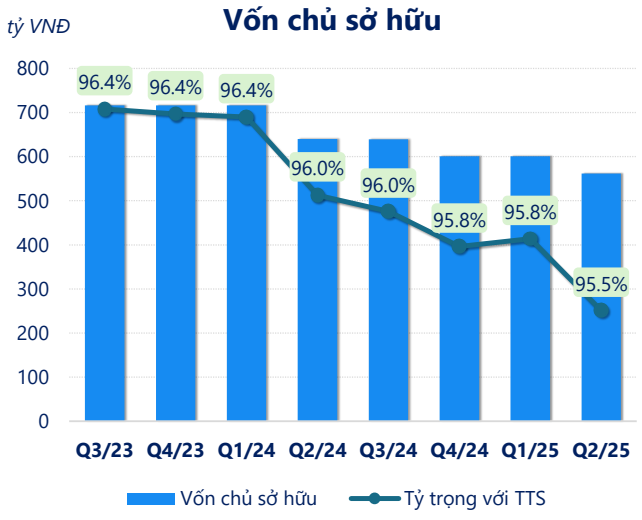
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



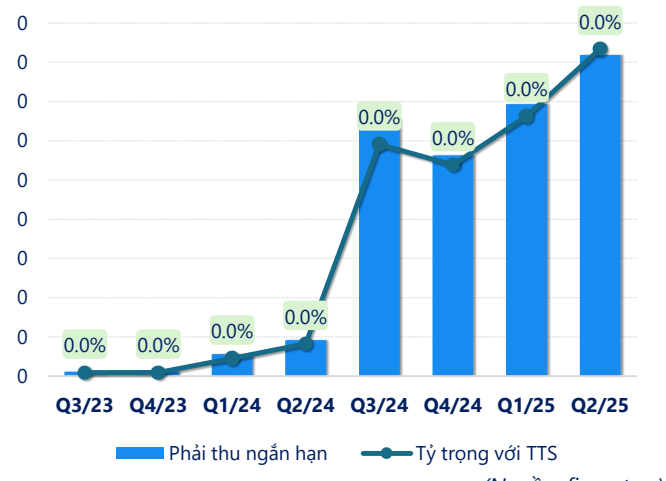
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



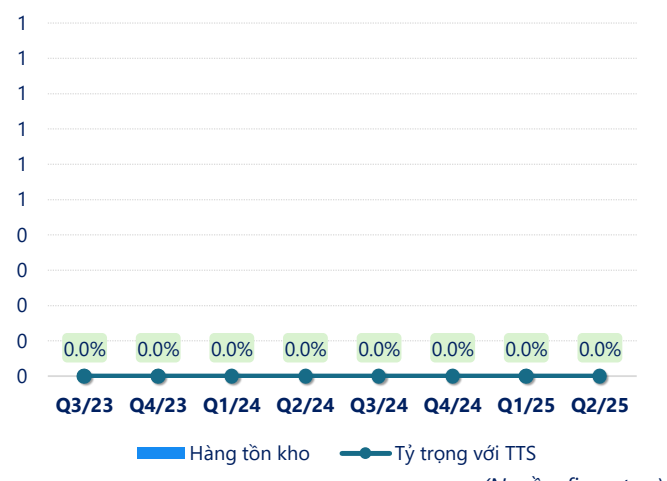
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



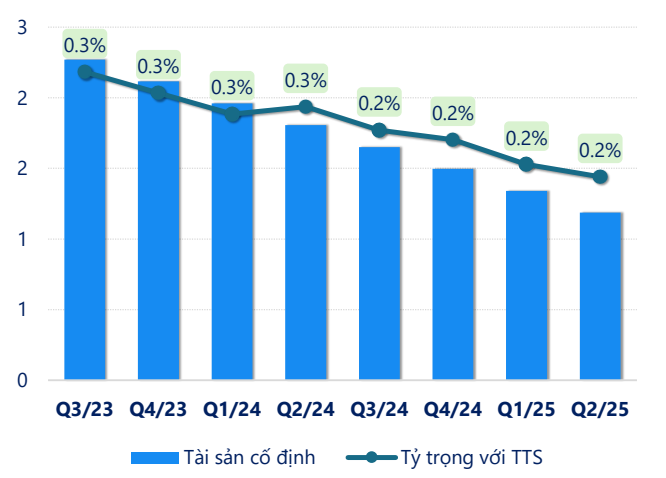
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



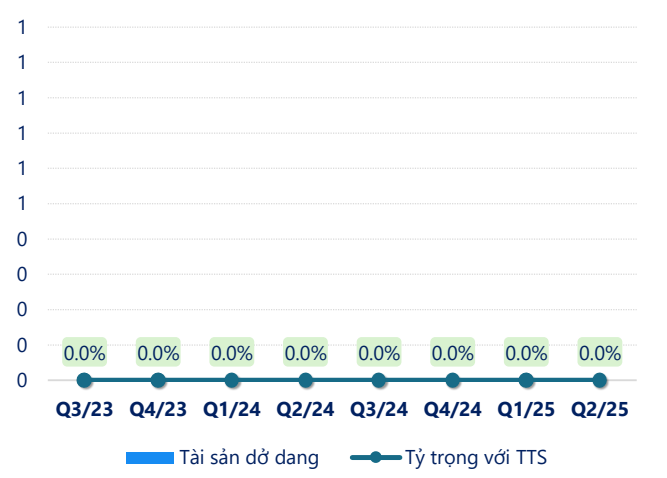
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



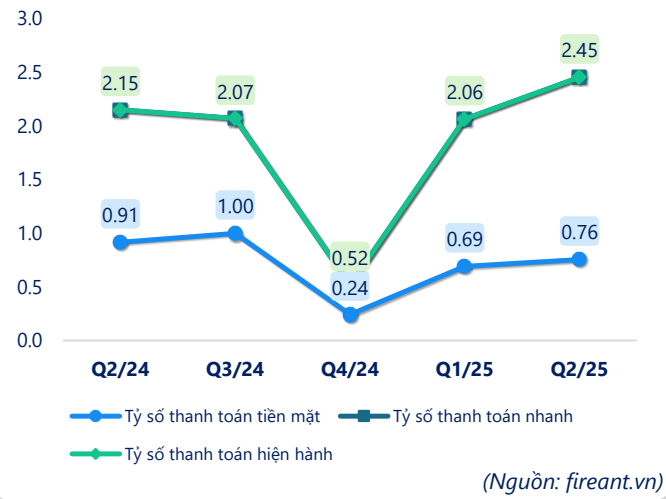
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



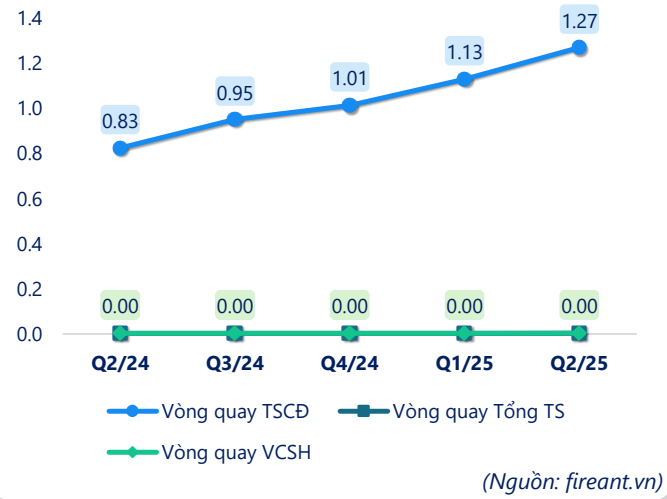
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**666**	**666**	**628**	**627**	**588**
Tài sản ngắn hạn	**3.14**	**3.87**	**3.58**	**3.62**	**3.40**
Tiền và tương đương tiền	1.34	1.87	1.67	1.21	1.05
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.30	1.30	1.30	1.70	1.70
Phải thu ngắn hạn	0.02	0.13	0.11	0.14	0.16
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	0.49	0.57	0.50	0.57	0.49
Tài sản dài hạn	**663**	**663**	**624**	**624**	**585**
Phải thu dài hạn	55.9	55.9	55.9	55.9	55.9
Tài sản cố định	1.81	1.65	1.50	1.34	1.19
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	595	595	557	557	519
Tài sản dài hạn khác	9.91	9.72	9.57	9.47	9.37
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**26.5**	**27.0**	**26.4**	**26.2**	**26.5**
Nợ ngắn hạn	**1.46**	**1.87**	**6.89**	**1.75**	**1.39**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	0.90	0.86	0.86	0.79	0.79
Nợ dài hạn	25.0	25.1	19.5	24.4	25.1
Vay và nợ thuê dài hạn	18.7	18.7	18.7	18.2	18.2
Nguồn vốn chủ sở hữu	**640**	**639**	**601**	**601**	**562**
Vốn chủ sở hữu	**640**	**639**	**601**	**601**	**562**
Vốn điều lệ	1,100	1,100	1,100	1,100	1,100
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)